

## CHỦ ĐỀ TẾ BÀO NHÂN THỰC

### A. PHẦN TỰ LUẬN

**Câu 1.** Trình bày đặc điểm chung của tế bào nhân thực? Cho biết tế bào thực vật khác tế bào động vật ở những điểm cơ bản nào?

**Câu 2.** Mô tả cấu trúc nhân tế bào?

**Câu 3.** Nêu các chức năng của lưới nội chất trơn và lưới nội chất hạt?

**Câu 4.** Nêu cấu tạo và chức năng của ribôxôm?

**Câu 5.** Trình bày cấu trúc và chức năng của lục lạp?

**Câu 6.** Trình bày cấu trúc và chức năng của ti thể?

**Câu 7.** So sánh ti thể và lục lạp?

**Câu 8.** Tế bào biểu bì tế bào hồng cầu, tế bào cơ tim, tế bào xương loại tế bào nào có nhiều ti thể nhất? Vì sao?

**Câu 9.** Tế bào cơ, tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu, tế bào thần kinh loại tế bào nào có nhiều lizôxôm nhất? Vì sao?

**Câu 10.** Khi người ta uống rượu thì tế bào nào trong cơ thể phải làm việc để cơ thể khỏi bị đầu độc?

**Câu 11.** Tại sao các emzim trong lizôxôm lại không phá vỡ lizôxôm của tế bào?

**Câu 12.** Nêu điểm khác biệt về cấu trúc giữa tế bào nhân sơ và nhân thực?

**Câu 13.** Ý nghĩa của cấu trúc màng trong kiểu răng lược của ti thể?

**Câu 14.** So sánh các đặc điểm khác nhau giữa lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn.

### B. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sinh vật nào sau đây có tế bào nhân thực?

- A. Thực vật, động vật, nấm.
- B. Thực vật, vi khuẩn.
- C. Động vật, nấm, vi khuẩn.
- D. Nấm, vi khuẩn.

Câu 2. Thành phần hoá học chủ yếu của ribôxôm:

- A. rARN và prôtêin.
- C. mARN và prôtêin.
- C. tARN và prôtêin.
- D. Prôtêin.

Câu 3. Màng sinh chất được cấu tạo bởi:

- A. Các phân tử protein axit nucleic.
- B. Các phân tử photpholipit.
- C. Các phân tử protein và lipid.
- D. Các phân tử protein và photpholipit.

Câu 4: Trong tế bào nhân thực, bào quan nào chỉ có 1 lớp màng bao bọc:

- A. Lưới nội chất, lizôxôm.
- B. Bộ máy Gôngi, ribôxôm.
- C. Lưới nội chất, ribôxôm.
- D. Lục lạp, Bộ máy Gôngi.

Câu 5. Trong tế bào nhân thực, bào quan nào được bao bọc bởi màng kép.

- A. Lưới nội chất, nhân tế bào.
- B. Bộ máy Gôngi, lizôxôm.
- C. Ti thể, không bào.
- D. Lục lạp, ti thể.

Câu 6. Điểm giống nhau về cấu tạo giữa bào quan lục lạp và ti thể là

- A. Có chứa sắc tố quang hợp.
- B. Được bao bọc bởi lớp màng kép.
- C. Có chứa nhiều loại enzym hô hấp.
- D. Có ở tất cả các tế bào nhân thực.

Câu 7. Tế bào nhân thực có cấu tạo gồm các thành phần chính:

- A. Màng sinh chất, tế bào chất, các bào quan.
- B. Màng sinh chất, tế bào chất có nhiều bào quan và vùng nhân.
- C. Màng sinh chất, tế bào chất, nhân.
- D. Màng sinh chất, tế bào chất có ribôxôm, có vùng nhân hoặc nhân.

Câu 9. Bào quan không có màng bao bọc, có chức năng tổng hợp prôtêin cho tế bào:

- A. Ribôxôm.
- B. Lizôxôm
- C. Ti thể
- D. Lưới nội chất hạt.

Câu 10. Bào quan được ví như một nhà máy điện cung cấp nguồn năng lượng chủ yếu của tế bào:

- A. Ti thể
- B. Ribôxôm.
- C. Lục lạp
- D. Lưới nội chất hạt.

Câu 11. Nếu tế bào là một thành phố hoạt động, thì...(1)... là trung tâm điều khiển, ...(2)... là nhà máy năng lượng và ...(3)... là phân xưởng lắp ráp, đóng gói và phân phối sản phẩm của tế bào.

- A. (1) nhân tế bào; (2) ti thể; (3) bộ máy gôngi.
- B. (1) nhân tế bào; (2) ti thể; (3) lưới nội chất.
- C. (1) nhân tế bào; (2) lục lạp; (3) bộ máy gôngi.
- D. (1) nhân tế bào; (2) lục lạp; (3) lưới nội chất.

Câu 12. Cấu trúc trong tế bào bao gồm các ống và xoang dệt thông với nhau gọi là

- A. Lưới nội chất
- B. Bộ máy gôngi.
- C. Lizôxôm.
- D. Ti thể

Câu 13. Thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất:

- A. Photpholipit và prôtêin.
- B. Photpholipit và colestêron.
- C. Colestêron và prôtêin.
- D. Prôtêin và glicôprôtêin.

Câu 14. Có mấy nhận định sai khi nói về đặc điểm chung của tế bào nhân thực?

- I. Có kích thước lớn.
- II. Có màng nhân bao lấy vật chất di truyền.
- III. Đại diện vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật.
- IV. Tế bào chất có nhiều bào quan có màng bao bọc.
- V. Vật chất di truyền là phân tử ADN dạng vòng.

- A. 2
- B. 3
- C. 1
- D. 5

Câu 15. Nhận định đúng khi nói về lục lạp:

- I. Có 2 lớp màng bao bọc.
- II. Chất nền chứa nhiều hạt grana.

III. Chỉ có ở tế bào thực vật.

IV. Trung tâm cung cấp năng lượng cho tế bào.

V. Màng trong gấp nếp tạo các mào chứa nhiều enzim hô hấp.

A. I, II, III.            B. I, II, IV.            C. IV, V.            D. III, IV, V.

Câu 16. Nhận định sai về chức năng của màng sinh chất:

A. Bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.

B. Trao đổi chất với môi trường một cách chọn lọc.

C. Thu nhận thông tin.

D. Giúp tế bào nhận biết nhau và nhận biết tế bào lạ nhờ “dấu chuẩn”.

Câu 17. Khi ghép các mô và cơ quan từ người này sang người kia thì cơ thể người nhận lại có thể nhận biết các cơ quan ‘lạ’ và đào thải các cơ quan lạ đó là nhờ:

A. Trên màng sinh chất có các dấu chuẩn glicoprotein.

B. Trên màng sinh chất có các phân tử cholesterol.

C. Thành tế bào xenlulozo quy định hình dạng tế bào khác nhau.

D. Chất nền ngoại bào liên kết các tế bào tạo thành mô.

Câu 18. Loại tế bào nào có chứa nhiều bào quan ti thể nhất:

A. Tế bào cơ tim.

B. Tế bào biểu bì

C. Tế bào bạch cầu.

D. Tế bào hồng cầu.

Câu 19: Điểm giống nhau giữa tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ là:

A. Trong tế bào chất có bào quan ribôxôm.

B. Nhân chứa phân tử ADN dạng vòng.

C. Kích thước rất nhỏ.

D. Trên màng tế bào có nhiều roi giúp tế bào di chuyển.

Câu 20. Đặc điểm chỉ có ở lưới nội chất hạt mà không có ở lưới nội chất trơn:

A. Trên màng có đính nhiều hạt ribôxôm, tổng hợp prôtêin cho tế bào.

B. Trên màng có đính nhiều enzim, tổng hợp lipid cho tế bào.

C. Trên màng có đính nhiều enzim, phân hủy chất độc hại cho cơ thể.

D. Trên màng có đính nhiều hạt ribôxôm, chuyển hóa đường cho tế bào.

Câu 21. Điểm giống nhau về cấu tạo giữa bào quan lục lạp và ti thể là

A. Được bao bọc bởi lớp màng kép.

B. Có chứa sắc tố quang hợp.

C. Có chứa nhiều loại enzim hô hấp.

D. Có ở tất cả các tế bào nhân thực.

Câu 22. Bào quan có thể tìm thấy trong cả ti thể và lục lạp là

A. Ribôxôm.

B. Lizôxôm.

C. Không bào.

D. Bộ máy Golgi.

Câu 23. Trong tế bào nhân thực, bào quan nào chỉ có 1 lớp màng bao bọc:

A. Lưới nội chất, bộ máy Golgi, không bào, lizôxôm.

B. Lưới nội chất, bộ máy Golgi, ribôxôm, lizôxôm.

C. Lưới nội chất, ti thể, không bào, ribôxôm.

D. Lục lạp, bộ máy Golgi, không bào, lizôxôm.

Câu 24. Những đặc điểm chỉ có ti thể mà không có ở lục lạp:

- A. Có chứa enzim hô hấp.
- B. Có chứa sắc tố quang hợp.
- C. Chỉ có ở tế bào thực vật.
- D. Chất nền có chứa ADN và ribôxôm.

Câu 25: Ở tế bào nhân thực, ngoài nhân tế bào thì ADN còn hiện diện trong:

- A. Ti thể, lục lạp.
- B. Không bào, ti thể, lục lạp.
- C. Lưới nội chất hạt, lục lạp.
- D. Ribôxôm, Lizôxôm.

Câu 26. Khác với tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực có...(1)..... và .....(2)...được bao bọc bởi lớp màng, bên trong tế bào chất có...(3) chia tế bào thành các xoang riêng biệt:

- A. (1) Kích thước lớn; (2) vật chất di truyền; (3) hệ thống màng.
- B. (1) Kích thước nhỏ; (2) nhân; (3) bào quan.
- C. (1) cấu tạo đơn giản; (2) vật chất di truyền; (3) hệ thống màng.
- D. (1) Kích thước nhỏ; (2) nhân; (3) hệ thống màng.

Câu 27. Chức năng của bộ máy Golgi là

- A. cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
- B. lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
- C. duy trì sự trao đổi chất giữa tế bào với môi trường.
- D. bảo vệ tế bào và quy định hình dạng của tế bào.

Câu 28. Có mấy ý đúng khi nói về cấu trúc và chức năng của nhân tế bào?

- I. Được bao bọc bởi 2 lớp màng (màng kép).
- II. Trên màng nhân có các lỗ nhân.
- III. Dịch nhân chứa chất nhiễm sắc và nhân con.
- IV. Nhân là nơi chứa đựng vật chất di truyền.

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 29. Chọn phát biểu sai:

- A. Ribôxôm là bào quan có ở cả tế bào nhân sơ và nhân thực.
- B. Ribôxôm là bào quan tổng hợp protein cho tế bào.
- C. Ribôxôm là một bào quan nhỏ, không có màng bao bọc.
- D. Ribôxôm là bào quan nằm ở màng sinh chất của tế bào.

Câu 30. Điểm giống nhau về cấu tạo giữa bào quan lục lạp và ti thể là

- A. được bao bọc bởi lớp màng kép.
- B. có chứa các enzim hô hấp.
- C. có chứa enzim quang hợp và diệp lục.
- D. có hệ túi dẹt gọi là tilacôit

Câu 31. Những đặc điểm nào chỉ có ở bào quan lục lạp mà không có ở ti thể?

- I. Là nơi diễn ra quá trình quang hợp.
- II. Trên màng tilacôit chứa enzim quang hợp và diệp lục.
- III. Trong chất nền chứa ADN và ribôxôm.
- IV. Màng trong gấp khúc tạo thành các màng.

V. Bên trong có hệ túi dẹt gọi là tilacôit.

A. I, II, V.                      B. I, II, III.                      C. III, IV, V.                      D. II, IV, V.

Câu 32. Trong cấu trúc của màng sinh chất, lớp kép phospholipit có chức năng

A. trao đổi chất với môi trường một cách có chọn lọc.

B. phân hủy các chất độc hại đối với cơ thể.

C. thụ thể thu nhận thông tin cho tế bào.

D. cung cấp năng lượng cho các hoạt động của tế bào.

Câu 33. Lục lạp có khả năng chuyển đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học là vì

A. có chứa chất diệp lục.

B. có chứa các enzym hô hấp.

C. tròn chất nền có ribôxôm.

D. có hệ túi dẹt gọi là tilacoit.

Câu 34. Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

A. Trong tế bào chất có bào quan ribôxôm.

B. Có các bào quan có màng bao bọc.

C. Kích thước rất nhỏ (chỉ dao động từ 1 – 5  $\mu\text{m}$ ).

D. Vùng nhân chỉ chứa 1 phân tử ADN dạng vòng.

Câu 35. Bộ máy Goongi được ví như một phân xưởng:

A. Điều khiển các hoạt động của tế bào.

B. Chuyển tổng hợp prôtêin.

C. Cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của tế bào.

Câu 36. Ở tế bào nhân thực, ADN nằm ngoà nhân hiện diện trong :

A. Lưới nội chất hạt, lục lạp.

B. Không bào, ti thể, lục lạp.

C. Ti thể, lục lạp.

D. Ribôxôm, Lizôxôm.

Câu 37. Cấu trúc trong tế bào bao gồm các ống v à xoang dẹt thông với nhau được gọi là

A. Bộ máy gongi

B. Lưới nội chất

C. Lizôxôm.

D. Ti thể

Câu 38. Loại bào quan có thể tìm thấy trong lục lạp là:

A. Lizôxôm

B. Ribôxôm

C. Ti thể

D. Bộ máy Gôngi

Câu 39. Hoạt động nào của Lizôxôm cần phải kết hợp với không bào tiêu hóa?

A. Phân hủy các bào quan đã hết thời gian sử dụng.

B. Phân phối sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi sử dụng.

C. Phân hủy tế bào già

D. Phân hủy thức ăn

Câu 40. Chức năng quan trọng của nhân tế bào :

A. Chứa đựng thông tin di truyền.

B. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động của tế bào.

C. Vận chuyển các chất bài tiết cho tế bào.

D. Duy trì sự trao đổi chất giữa tế bào và môi trường.